

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

Số: /TB-XHNV

THÔNG BÁO
Tuyển sinh tiên sĩ đợt 2 năm 2026

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội và Quyết định số 2458/QĐ-ĐHQGHN ngày 05 tháng 06 năm 2024 về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung trong Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 956/HD-ĐHQGHN ngày 20 tháng 03 năm 2026 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2026;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh tiên sĩ đợt 2 năm 2026 theo các nội dung sau:

A. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

STT	Nội dung	Thời gian Đợt 2
1	Đăng ký dự thi trực tuyến tại cổng thông tin tuyển sinh: http://tssdh.vnu.edu.vn	Từ 13/7/2026 đến 27/9/2026
2	Nộp hồ sơ dự tuyển: - Gửi qua đường bưu điện (tính theo dấu bưu điện): - Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo và Công tác người học:	- Từ 13/7/2026 – 18/9/2026 - Từ 13/7/2026 – 27/9/2026
3	Tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh	Từ 05/10/2026 đến 11/10/2026
4	Thông báo kết quả tuyển sinh	Trước ngày 15/11/2026
5	Công bố quyết định trúng tuyển	Trước ngày 17/11/2026
6	Nhập học	Trước 30/11/2026

B. TUYỂN SINH TIẾN SĨ

I. Danh mục CTĐT/ ngành tuyển sinh tiên sĩ

TT	CTĐT/ngành tuyển sinh	Mã ngành/CTĐT	Chỉ tiêu cả năm
1.	Báo chí học	9320101	9
2.	Chính trị học	9310201	23
3.	Công tác xã hội	9760101	16
4.	Du lịch	9810101	31
5.	Đông Nam Á học (ngành Đông phương học)	9310608.02	2
6.	Hán Nôm	9220104	2
7.	Lịch sử	9229010	9
8.	Lưu trữ học	9320303	1
9.	Nhân học	9310302	3
10.	Nhật Bản học	9310613	2
11.	Ngôn ngữ học	9229020	59
12.	Quản lý khoa học và công nghệ	9340412	12
13.	Quản lý văn hóa	9229042	3
14.	Quan hệ quốc tế (ngành Quốc tế học)	9310601	24
15.	Tâm lý học	9310401	15
16.	Khoa học Thông tin – Thư viện (ngành Thông tin học)	9320202	10
17.	Tôn giáo học	9229009	2
18.	Triết học	9229001	12
19.	Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam (ngành Việt Nam học)	9229030	15
20.	Trung Quốc học (ngành Đông phương học)	9310608.01	3
21.	Văn học	9310630	3
22.	Xã hội học	9310301	4

II. Điều kiện dự tuyển đào tạo tiến sĩ.

a) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
- Có đủ sức khỏe để tham gia học tập.
- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung

trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- + Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- + Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

- + Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp (xem tại Phụ lục 2)

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển được ĐHQGHN công nhận, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (quy định tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5).

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo tiến sĩ (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

Việc xét tuyển người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào học tại ĐHQGHN được thực hiện theo Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 12 năm 2017.

d) Các yêu cầu khác theo đặc thù của đơn vị và CTĐT.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021. Danh sách các chương trình đào tạo theo Đề án 89 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN theo Quyết định 1667/QĐ-BGDĐT ngày 01/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm:

TT	Tên chương trình đào tạo	Mã số
1	Báo chí học	9320101
2	Quan hệ quốc tế	9310601.01
3	Quản lý khoa học và công nghệ	9340412
4	Tâm lý học	9310401

TT	Tên chương trình đào tạo	Mã số
5	Xã hội học	9310301

Danh mục đối tượng ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức (xem Phụ lục 1)

- Thí sinh không thuộc Danh mục đối tượng ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức cần đáp ứng yêu cầu về việc học bổ sung kiến thức trước khi đăng ký dự tuyển và đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm công tác (xem tại Phụ lục 3).

- Các học phần bổ sung kiến thức theo chương trình đào tạo đã ban hành.

III. Thủ tục đăng ký dự tuyển:

Thí sinh đăng ký dự tuyển tiến sĩ năm 2026 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn phải thực hiện đăng ký trực tuyến và đồng thời nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo các bước sau:

1. Đăng ký trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của ĐHQGHN:

- Thời gian đăng ký dự tuyển: xem tại mục A ở trên.

- Cổng thông tin đăng ký dự tuyển: <http://tssdh.vnu.edu.vn>

Lưu ý: Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2026. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

2. Nộp hồ sơ trực tiếp về Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn theo các nội dung sau:

a) Đơn đăng ký dự tuyển (in từ cổng thông tin tuyển sinh sau khi đăng ký trực tuyến thành công và ký xác nhận)

b) Bản sao Căn cước công dân (yêu cầu bắt buộc để khai báo dữ liệu quản lý thí sinh và người học theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

c) Bản sao chứng thực Giấy khai sinh

c) Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương quản lý người dự tuyển.

d) Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và minh chứng về chuyên môn, ngoại ngữ, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác theo quy định, cụ thể:

*** Văn bằng:**

- Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm đại học toàn khóa có xác nhận xếp loại của cấp có thẩm quyền cấp bằng (đối với người dự tuyển đào tạo tiến sĩ từ trình độ đại học).

- Bản sao chứng thực bằng thạc sĩ và bằng điểm thạc sĩ (đối với người dự tuyển đào tạo tiến sĩ đã có bằng thạc sĩ).

Lưu ý: người dự tuyển có văn bằng do đơn vị đào tạo nước ngoài cấp phải nộp kèm theo bản sao chứng thực Giấy Chứng nhận văn bằng do Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT cấp.

** Minh chứng về chuẩn đầu vào ngoại ngữ:*

- Bản sao chứng thực minh chứng về trình độ ngoại ngữ đáp ứng điều kiện dự tuyển tiến sĩ. Cụ thể:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

+ Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển được ĐHQGHN công nhận, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Lưu ý: Thí sinh có minh chứng ngoại ngữ đầu vào là văn bằng do một cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải nộp kèm theo bản sao chứng thực Giấy chứng nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

** Minh chứng về công bố khoa học*

- Đối với thí sinh dự tuyển có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (thuộc danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức): yêu cầu tối thiểu cần phải có minh chứng là luận văn thạc sĩ đã bảo vệ thành công (bản sao bản luận văn nộp lưu chiểu tại đơn vị đào tạo đã tham gia đào tạo thạc sĩ).

- Đối với thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp diện phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân: phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

Danh mục tạp chí khoa học tham khảo xem tại:

<http://hdgsnn.gov.vn/tin-tuc/quyet-dinh-so-25-qd-hdgsnn-phe-duyet-danh-muc-tap-chi-khoa-hoc-duoc-tinh-diem-nam-2024> 788

Lưu ý:

Yêu cầu về minh chứng khoa học là bắt buộc đối với thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành phù hợp diện phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ trình độ đại học.

Đối với thí sinh dự tuyển có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu (thuộc danh mục ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức), khuyến khích bổ sung công bố khoa học trong hồ sơ để đạt kết quả tốt nhất trong đánh giá hồ sơ chuyên môn.

Minh chứng công trình nghiên cứu khoa học phải thể hiện đầy đủ trang bìa, mục lục và nội dung công trình công bố của thí sinh được sao chụp từ bản gốc ấn phẩm khoa học.

** Minh chứng về thâm niên công tác*

- Người đăng ký dự tuyển tiến sĩ thuộc diện phải học bổ sung kiến thức dự tuyển vào các ngành: Công tác xã hội, Đông phương học (CTĐT Đông Nam Á học và Trung Quốc học), Lưu trữ học, Ngôn ngữ học, Nhân học, Xã hội học phải nộp Bản sao chứng thực quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn và giấy xác nhận chứng nhận thâm niên công tác (nếu là cán bộ/công chức/viên chức nhà nước).

e) Đề cương nghiên cứu: đáp ứng các yêu cầu, nội dung tại mục a, phần II ở trên, tải mẫu tại đây: Mẫu Đề cương nghiên cứu (dùng cho NCS)
https://docs.google.com/document/d/1mdZjjc_dgE5joHHyJB07yWwhPYcExOjA/edit?usp=sharing&oid=106162224749683368313&rtpof=true&sd=true

f) Thư giới thiệu của tối thiểu một nhà khoa học: theo quy định tại mục a, phần II ở trên, tải mẫu tại đây:

<https://docs.google.com/document/d/1blxVNghIcdMQehHChU19baYb21H-xLPq/edit?usp=sharing&oid=106162224749683368313&rtpof=true&sd=true>

g) Công văn giới thiệu dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý đối với người dự tuyển là công chức, viên chức được cử đi học.

h) Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp: có thời hạn trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

3. Thủ tục nộp hồ sơ:

Sau khi đăng ký trực tuyến dự tuyển thành công, thí sinh cần chuẩn bị hồ sơ tại mục 2 ở trên và nộp hồ sơ về Phòng Đào tạo và Công tác người học (bộ phận tuyển sinh), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Số lượng hồ sơ phải nộp của người dự tuyển tiến sĩ là 06 bộ/1 thí sinh.

Hình thức nộp hồ sơ:

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện (tính theo dấu bưu điện xác nhận):

+ Đợt 2: từ ngày 13/7/2026 đến ngày 18/9/2026.

- Nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo và Công tác người học (bộ phận tuyển sinh):

+ Đợt 2: từ ngày 13/7/2026 đến ngày 27/9/2026.

Yêu cầu khi nộp hồ sơ:

- Hồ sơ do thí sinh tự chuẩn bị theo đúng các yêu cầu ở mục 2 và đủ số lượng quy định là 06 bộ, **trong đó có 01 bản gốc và 05 bản sao.**

- Hồ sơ dự tuyển phải được cho vào túi đựng hồ sơ, bên ngoài ghi rõ các thông tin: Họ và tên thí sinh, Mã đăng ký dự thi (*được cấp sau khi đăng ký trực tuyến thành công*), Hồ sơ dự tuyển sau đại học đợt 1 năm 2026.

Thí sinh có thể sử dụng mẫu bìa hồ sơ theo link dưới đây:

<https://drive.google.com/file/d/1GyP1xaIXs80zNGybpEgTpKWYUAIJfDejC/view?usp=sharing>

Địa chỉ nhận hồ sơ:

Cô Nguyễn Thị Thanh Huyền, Phòng Đào tạo và Công tác người học (bộ phận tuyển sinh), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Số 336 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Lưu ý:

- *Thí sinh không đăng ký trực tuyến hoặc đăng ký trực tuyến mà không nộp hồ sơ theo quy định sẽ không đủ điều kiện để dự tuyển.*

- *Trong thời gian 48 giờ sau khi đăng ký (trừ ngày nghỉ, ngày lễ), nếu thí sinh không nhận được thông tin phản hồi hoặc đăng ký dự tuyển không thành công, đề nghị liên hệ lại với bộ phận tuyển sinh qua địa chỉ email: tuyensinh@ussh.edu.vn hoặc qua Zalo 0964.849.645 (không liên hệ sau 19h) để được hỗ trợ.*

- *Hội đồng tuyển sinh Sau đại học của Nhà trường sẽ xem xét hủy bỏ kết quả trúng tuyển của thí sinh nếu các thông tin đăng ký dự tuyển sai lệch với hồ sơ và không đáp ứng tiêu chuẩn dự thi.*

D. TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN VÀ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN

I. Điểm xét tuyển:

Thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ phải có tổng điểm đánh giá hồ sơ và đề cương nghiên cứu đạt điểm từ **60/100** điểm trở lên, trong đó điểm đề cương nghiên cứu tối thiểu phải đạt **25/40** điểm mới đủ điều kiện xét tuyển.

II. Điểm chuẩn:

Điểm chuẩn trúng tuyển được xác định căn cứ trên chỉ tiêu đào tạo được giao và bằng cách tính tổng điểm xét tuyển, điểm tổng hồ sơ chuyên môn của từng thí sinh từ cao nhất trở xuống cho từng ngành, chuyên ngành cho đến hết chỉ tiêu.

E. THỜI GIAN VÀ KINH PHÍ ĐÀO TẠO

- Thời gian chuẩn đào tạo trình độ tiến sĩ:

+ Đối với người dự tuyển từ trình độ thạc sĩ: 03 năm

+ Đối với người dự tuyển từ trình độ cử nhân: 04 năm

Thí sinh trúng tuyển sẽ được chính thức công nhận là nghiên cứu sinh sau khi hoàn thành thủ tục nhập học theo quy định.

- Kinh phí đào tạo: **47.750.000đ/01 năm học/01 nghiên cứu sinh**

Mức kinh phí đào tạo trên áp dụng đối với người học là người Việt Nam, đối với người nước ngoài tham gia đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ có quy định cụ thể riêng.

Hàng năm, mức kinh phí đào tạo có thể được điều chỉnh theo quy định.

F. KINH PHÍ TUYỂN SINH

1. Lệ phí đăng ký và dự tuyển (không hoàn trả khi rút hồ sơ)

Dự tuyển tiến sĩ:

+ Từ cử nhân: 500.000đ/thí sinh

+ Từ thạc sĩ: 260.000đ/thí sinh

2. Phương thức nộp lệ phí:

- Chuyển khoản:

+ Đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn**

+ Số tài khoản: 2220656899; **tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân (BIDV Thanh Xuân)**

Khi chuyển khoản ghi rõ các thông tin: *Họ tên người dự thi_Mã ĐKDT_LPTS Tiến sĩ_Ngành dự thi*

- Nộp trực tiếp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn khi nộp hồ sơ.

Sau đó chuyển minh chứng chuyển khoản qua zalo: **0964.849.645**

G. THÔNG TIN LIÊN HỆ VÀ HỖ TRỢ THÍ SINH

1. Đối với thí sinh dự tuyển là người Việt Nam:

- **Phòng Đào tạo và Công tác người học (bộ phận tuyển sinh), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.**

Điện thoại: **0964.849.645** (trong giờ hành chính)

Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.ussh.edu.vn>

Email liên hệ: tuyensinh@ussh.edu.vn

2. Đối với thí sinh dự tuyển là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài:

- Phòng Đào tạo và Công tác người học (Bộ phận đào tạo quốc tế), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.

Đầu mối liên hệ: Ms. Nguyễn Thị Thanh Huyền

Điện thoại: **0964.849.645**

Email: study@ussh.edu.vn

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị đào tạo (để p/h);
- Các cơ quan/đơn vị (để p/h);
- Các thí sinh;

**KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

- Lưu: VT, ĐT&CTNH.

PGS.TS Đặng Hồng Sơn

PHỤ LỤC 1

Danh mục đối tượng ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức

TT	Mã số ngành/ CTĐT	Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển	Danh mục ngành phù hợp được dự thi ngay không phải học bổ sung kiến thức	Ghi chú
1.	9320101	Báo chí học	Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng	
2.	9310201	Chính trị học	Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế	
3.	9760101	Công tác xã hội	Công tác xã hội, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	
4.	9810101	Du lịch	Du lịch, Du lịch văn hóa, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
5.	9310608.0 2	Đông Nam Á (<i>Ngành Đông phương học</i>)	Đông phương học, Quốc tế học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Việt Nam học, Đông Nam Á học, Hàn Quốc học	Ngành/ chuyên ngành phù hợp 2 phải học bổ sung kiến thức: <i>Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Lịch sử thế giới, Văn học nước ngoài, Tôn giáo học, Nhân học, Chính trị học, Ngôn ngữ Anh</i> - Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác: Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

				và các quy định hiện hành.
6.	9220104	Hán Nôm	Hán Nôm	
7.	9229010	Lịch sử	Khảo cổ học, Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc	
8.	9320303	Lưu trữ học	Lưu trữ học, Bảo tàng học	
9.	9310302	Nhân học	Nhân học, Xã hội học, Dân tộc học, Phát triển bền vững, Phát triển con người, Quyền con người	
10.	9310613	Nhật Bản học	Đông phương học, Quốc tế học, Châu Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Việt Nam học, Đông Nam Á học, Hàn Quốc học	
11.	9229020	Ngôn ngữ học	Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu; Ngôn ngữ học ứng dụng	
12.	9340412	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	
13.	9229042	Quản lý văn hóa	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh	
14.	9310601	Quan hệ quốc tế (<i>Ngành Quốc tế học</i>)	Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Hàn Quốc học	
15.	9310401	Tâm lý học	Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng.	

16.	9320202	Khoa học Thông tin – Thư viện (<i>Ngành Thông tin học</i>)	Thông tin học, Khoa học Thư viện	
17.	9229009	Tôn giáo học	Tôn giáo học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh	
18.	9229001	Triết học	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học.	
19.	9310608.0 1	Trung Quốc học (<i>Ngành Đông phương học</i>)	Đông phương học, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Châu Á học, Quốc tế học, Trung Quốc học	- Ngành/ chuyên ngành phù hợp 2 phải học bổ sung kiến thức: + Ngành trong nhóm ngành Du lịch + Ngành: Văn học nước ngoài; Kinh tế quốc tế; Chính trị học; Quan hệ quốc tế; Lịch sử thế giới; Tôn giáo học; Hán Nôm; Ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học; Thí sinh có bằng thạc sĩ tại Trung Quốc những ngành còn lại. - Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác: Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình

				đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.
20.	9229030	Văn học	Văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học nước ngoài, Lý luận văn học; Văn học so sánh	
21.	9310630	Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam (<i>Ngành Việt Nam học</i>)	Việt Nam học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Hàn Quốc học	
22.	9310301	Xã hội học	Xã hội học, Nhân học, Dân tộc học, Phát triển bền vững, Phát triển con người, Quyền con người	

PHỤ LỤC 2

Danh mục ngoại ngữ được chấp nhận

TT	Mã số ngành	Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngoại ngữ được chấp nhận
1.	9320101	Báo chí học	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp
2.	9310201	Chính trị học	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp
3.	9760101	Công tác xã hội	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc
4.	9810101	Du lịch	Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Trung, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Thái Lan
5.	9310608.02	Đông Nam Á học (Ngành Đông phương học)	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn Quốc
6.	9220104	Hán Nôm	Tiếng Trung Quốc, tiếng Anh
7.	9229010	Lịch sử	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Đức
8.	9320303	Lưu trữ học	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp
9.	9310302	Nhân học	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Trung Quốc
10.	9310613	Nhật Bản học	Tiếng Anh, tiếng Nhật
11.	9229020	Ngôn ngữ học	Tiếng Anh, Tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Hàn
12.	9340412	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc
13.	9229042	Quản lý văn hóa	tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn

14.	9310601	Quan hệ quốc tế (Ngành Quốc tế học)	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc
15.	9310401	Tâm lý học	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc
16.	9320202	Khoa học Thông tin – Thư viện (Ngành Thông tin học)	Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp
17.	9229009	Tôn giáo học	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật
18.	9229001	Triết học	Tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nga
19.	9310608.02	Trung Quốc học (Ngành Đông Phương học)	Tiếng Trung
20.	9229030	Văn học	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn
21.	9310630	Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam (ngành Việt Nam học)	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn
22.	9310301	Xã hội học	Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Hàn

PHỤ LỤC 3

Danh mục các ngành/ CTĐT yêu cầu thâm niên công tác

TT	Mã số ngành	Chương trình đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển	Thâm niên công tác
1.	9320101	Báo chí học	Không yêu cầu
2.	9310201	Chính trị học	Không yêu cầu
3.	9760101	Công tác xã hội	Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và có 1 năm kinh nghiệm.
4.	9810101	Du lịch	Không yêu cầu
5.	9310608.02	Đông Nam Á học	Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và cần có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 1 năm trong lĩnh vực liên quan đến Đông Nam Á.
6.	9220104	Hán Nôm	Không yêu cầu
7.	9229010	Lịch sử	Không yêu cầu
8.	9320303	Lưu trữ học	Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và cần có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 1 năm trong lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực đăng ký dự tuyển.
9.	9310302	Nhân học	Không yêu cầu
10.	9310613	Nhật Bản học	Không yêu cầu
11.	9229020	Ngôn ngữ học	Không yêu cầu
12.	9340412	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Không yêu cầu
13.	9229042	Quản lý văn hóa	Không yêu cầu
14.	9310601	Quan hệ quốc tế (Ngành Quốc tế học)	Không yêu cầu
15.	9310401	Tâm lý học	Không yêu cầu
16.	9320202	Khoa học Thông tin –	Không yêu cầu

		Thư viện (Ngành Thông tin học)	
17.	9229009	Tôn giáo học	Không yêu cầu
18.	9229001	Triết học	Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và có 1 năm kinh nghiệm.
19.	9310608.01	Trung Quốc học	Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và cần có kinh nghiệm làm việc tối thiểu 1 năm trong lĩnh vực liên quan đến Trung Quốc
20.	9229030	Văn học	Không yêu cầu
21.	9310630	Tiếng Việt và Nghiên cứu Việt Nam (ngành Việt Nam học)	Không yêu cầu
22.	9310301	Xã hội học	Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển và có 1 năm kinh nghiệm.

PHỤ LỤC 4

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Pearson English International Certificate (PEIC)	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	APTIS ESOL	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (*)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	Level 3	59-75	B2	VSTEP.3-5 (6.0)

Ghi chú: (*) chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được cấp theo mẫu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020 (xem mẫu tại: https://bit.ly/mau_ccvstep).

Một số ngoại ngữ khác:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Tiếng Nga	Tiếng Pháp (*)	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 4	ТПКИ-2	TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Ghi chú:

(*) Bảng tiếng Pháp DELF và DALF được sử dụng trong tuyển sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và không giới hạn thời hạn sử dụng.

PHỤ LỤC 5

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh tiến sĩ tại ĐHQGHN

1. Chứng chỉ tiếng Anh VSTEP

ĐHQGHN công nhận tất cả các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Dưới đây là danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Anh VSTEP đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép (tính đến tháng 03/2025) theo công bố mới nhất của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GDĐT).

ST T	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận
1.	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	2.	Học viện Khoa học Quân sự
3.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	4.	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
5.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	6.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
7.	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	8.	Học viện Cảnh sát Nhân dân
9.	Đại học Thái Nguyên	10.	Đại học Bách Khoa Hà Nội
11.	Trường Đại học Cần Thơ	12.	Trường Đại học Nam Cần Thơ
13.	Trường Đại học Hà Nội	14.	Trường Đại học Ngoại thương
15.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	16.	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
17.	Trường Đại học Vinh	18.	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
19.	Trường Đại học Sài Gòn	20.	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
21.	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh	22.	Trường Đại học Lạc Hồng
23.	Trường Đại học Trà Vinh	24.	Trường Đại học Đồng Tháp
25.	Trường Đại học Văn Lang	26.	Trường Đại học Duy Tân
27.	Trường Đại học Quy Nhơn	28.	Trường Đại học Phenikaa
29.	Trường Đại học Tây Nguyên	30.	Học Viện Ngân hàng
31.	Học viện An ninh Nhân dân	32.	Trường ĐH Tài chính – Marketing
33.	Học viện Báo chí Tuyên truyền	34.	Trường ĐH Thành Đông
35.	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)	36.	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh

37.	Trường Đại học Thương mại	38.	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng
-----	---------------------------	-----	----------------------------------

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận						
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL	PEI C	PTE Academic	VEPT
1.	Educational Testing Service (ETS)		√					
2.	British Council (BC)	√			√			
3.	International Development Program (IDP)	√						
4.	Cambridge ESOL	√		√				
5.	Pearson plc					√	√	√

3. Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác

S T T	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Công ty TNHH Công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc(*)				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

Ghi chú: () Cơ sở cấp chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung có hiệu lực áp dụng từ ngày 16/01/2024 (trước thời điểm này là Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc).*

4. Chứng nhận ngoại ngữ

S T T	Cơ sở cấp chứng nhận	Ti ng Anh	Ti ng Nga	Ti ng Phá p	Ti ng Tru ng	Ti ng Đức	Ti ng Nhậ t	Ti ng Hàn	Ti ng Thá i	Ti ng Ả Rập
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√	√

Yêu cầu chung đối với danh mục 3, 4:

- Tốt nghiệp hệ chính quy, chương trình Chuẩn/Chất lượng cao loại Giỏi trở lên của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn hoặc của các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.
- Văn bằng còn giá trị thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm tốt nghiệp đại học đến thời điểm đăng ký dự thi.
- Có minh chứng đáp ứng điều kiện về chuẩn đầu vào ngoại ngữ theo **Phụ lục 3** và **Phụ lục 4**.
- Có minh chứng về thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có).